TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2019
V/v: Ly hôn giữa
Anh H chị H1 .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phượng

2. Ông Bùi Văn Trung.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp " Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phùng Văn H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã D, huyện H, tỉnh T; có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996

Đăng ký HKTT: Thôn V, xã D, huyện H, tỉnh T.

Nơi đăng ký tạm trú: Tổ 1, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phùng Văn H trình bày:

Về hôn nhân: anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H1 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào tháng 7-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thống nhất được về nơi ở, chị H1 muốn vợ chồng vào miền Nam làm ăn sinh sống nhưng

anh không đồng ý, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Tháng 06-2019, chị H1 đã về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Bình Phước sinh sống và vợ chồng anh cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H1.

Về nuôi con chung: Anh và chị H1 có 01 con chung là Phùng Thiên Y, sinh ngày 12-7-2015, hiện nay con chung do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H1 nuôi con chung và anh có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H1 800.000đồng/tháng.

Về chia tài sản: Anh và chị H1 không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Tại đơn đề nghị giải quyết ly hôn và đơn xin vắng mặt ngày 07-8-2019, bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phùng Văn H do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H, tỉnh T vào ngày 07- 7-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01-2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tình tính không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị muốn vợ chồng về quê của chị sinh sống làm ăn nhưng anh H không đồng ý. Tháng 6-2019, chị đã về nhà mẹ đẻ ở tỉnh B sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: chị và anh H có 01 con chung là Phùng Thiên Y, sinh ngày 12-7-2015. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 800.000đồng/tháng.

Về chia tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung.

Chị nhất trí Tòa án huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị; chị xin được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: anh Phùng Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với chị Nguyễn Thị H1. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung". Chị H1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã D, huyện H, tỉnh T, chị H1 hiện đang sinh sống tại thành phố Đ, tỉnh B nhưng chị đã có đơn nhất trí Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án ly hôn do anh H khởi kiện nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H1có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào tháng 7-2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thống nhất được về nơi ở dẫn đến vợ chồng đã xảy ra cãi nhau. Tháng 06-2019, chị H1 đã về nhà mẹ đẻ ở tỉnh B và vợ chồng anh cũng sống ly thân từ đó. Nay anh H và chị H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn, chị H1 cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy: anh H, chị H1 mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh H và chị H1 ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H1 và anh H có 01 con chung là Phùng Thiên Y, sinh ngày 12-7-2015. Hiện nay cháu Phùng Thiên Y còn nhỏ, hơn nữa chị H1 và anh H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H1 được trực tiếp nuôi con, anh H có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H1 là 800.000đồng/tháng. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Anh H và chị H1 không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị H1 được trực tiếp nuôi con chung là Phùng Thiên Y, sinh ngày sinh ngày 12-7-2015. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H1 mỗi tháng là 800.000đồng (tám trăm

nghìn đông) kể từ tháng 9-2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Anh H và chị H1 không có tài sản chung.

4. Về án phí: Anh Phùng Văn H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 00055669 ngày 12-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà thành tiền án phí ly hôn. Anh H còn phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên